

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 231/2023/DS-ST

Ngày 28/9/2023

Về việc “Tranh chấp
hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Long.

2. Ông Bùi Ngọc Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yên - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên

Ngày 28/9/2023, tại Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: số 344/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2023/QĐXXST-DS ngày 21/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 251/2023/QĐST – DS ngày 12/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: Lầu 8, 266-268 N, phường V, Quận 3, thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Văn G

Địa chỉ: 130-132 Lê H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Theo giấy ủy quyền ngày 23/5/2023) - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T

Địa chỉ: 447/21 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 31/05/2017, bà Nguyễn Thị Ngọc T có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cùng bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của bà

Nguyễn Thị Ngọc T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Ngọc T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền vốn gốc là: 15.498.402 đồng, số tiền lãi tạm tính đến ngày 24/05/2023 là: 1.818.332 đồng. Mặc dù đã được Ngân hàng nhiều lần làm việc, nhắc nhở trả nợ nhưng bà Nguyễn Thị Ngọc T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó, bà Nguyễn Thị Ngọc T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 24/05/2023, bà Nguyễn Thị Ngọc T còn nợ các khoản sau: Dư nợ chuyển quá hạn: 15.498.402 đồng, lãi quá hạn: 1.818.332 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả: 17.316.734 đồng. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S chi nhánh Đắk Lắk đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/05/2023 là 17.316.734 đồng trong đó: nợ chuyển quá hạn: 15.498.402 đồng, lãi quá hạn: 1.818.332 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả: 17.316.734 đồng. Yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không thể tiến hành ghi lời khai hay ý kiến của bà T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 467; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 và áp dụng Điều 91 luật của các tổ chức tín dụng. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S, buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ phải trả toàn bộ tổng số tiền dư nợ tại Ngân hàng TMCP S số tiền gốc là 15.498.402 đồng, nợ lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án thì nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột buộc bị đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc T phải trả toàn bộ số nợ gốc là 15.498.402 đồng, nợ lãi tính đến ngày 24/5/2023 là 1.818.332 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *“Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”*.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc T có nơi cư trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, đồng thời tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng trực tiếp cho bị đơn biết để tham gia tố tụng tại Tòa án để tiến hành phiên họp công khai chứng cứ, các phiên hòa giải, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc T tại phiên Tòa: Trước khi xét xử sơ thẩm đại diện Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt đại diện Ngân hàng và bà T.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Vào ngày 31/05/2017 bà Nguyễn Thị Ngọc T có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, số thẻ 472074-6909 ngày 31/5/2017 với lãi suất thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và các phụ lục điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là hợp đồng. Căn cứ theo thu nhập của bà Nguyễn Thị Ngọc T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.498.402 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Ngọc T đã thực hiện các giao dịch nhiều lần với số tiền vốn gốc 15.498.402 đồng, số tiền lãi tạm tính đến ngày 24/5/2023 là 1.818.332 đồng.

Xét hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 472074-6909 ngày 31/5/2017 giữa Ngân hàng TMCP S với bà Nguyễn Thị Ngọc T là sự tự nguyện của các bên, nên phát sinh hiệu lực và có giá trị pháp lý đối với các bên. Sau khi ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức là 15.498.402 đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc T đã giao dịch với tổng số tiền gốc là 15.498.402 đồng mà không thực việc thanh toán trả lại cho Ngân hàng là vi phạm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

với Ngân hàng TMCP S.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành giám định chữ ký của bà T trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 31/5/2017 để xác nhận lại chữ ký của bà T và trong bản kết luận giám định số 975/KLGD- PC09 ngày 23/8/2023 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Ngọc T dưới mục “Chữ ký và họ tên của Chủ thẻ chính” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Ngọc T dưới mục “NGƯỜI KHAI KÝ TÊN” trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1 là do cùng một người ký và viết ra”. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có giao dịch dân sự vay mượn tiền (sử dụng thẻ tín dụng) giữa bà T và Ngân hàng thương mại cổ phần S xảy ra trên thực tế. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S để buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc 15.498.402 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với tiền lãi suất: Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng các bên tự nguyện thỏa thuận lãi suất, xét thỏa thuận này phù hợp với khoản 2 Điều 91 luật các tổ chức tín dụng quy định về lãi suất trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng và số tiền lãi Ngân hàng yêu cầu bà Tuyết phải trả tiền nợ lãi quá hạn còn lại từ ngày 30/11/2017 đến ngày 24/5/2023 với tổng số tiền lãi là 1.818.332 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Do đó, Ngân hàng TMCP S khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc T phải trả toàn bộ số tiền 17.316.734 đồng, trong đó số tiền gốc là 15.498.402 đồng và số tiền lãi 1.818.332 đồng tính đến ngày 24/5/2023 là có căn cứ nên chấp nhận.

Về chi phí giám định: Ngân hàng có yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị Ngọc T trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Kết luận giám định chứng minh yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, vì vậy bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu chi phí giám định chữ ký là 4.860.000 đồng.

Ngân hàng không phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết và được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký 4.860.000 đồng sau khi thu lại được của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

[5]. Về án phí: Do đơn khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng TMCP S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 433.000 đồng tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai số AA/2022/0002750 ngày 09/6/2023.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tổng số tiền còn nợ cụ thể là: 17.316.734 đồng x 5% = 865.836 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 467; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 luật của các tổ chức tín dụng.

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T phải trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền 17.316.734 đồng, trong đó số tiền gốc là 15.498.402 đồng và số tiền lãi 1.818.332 đồng tính đến ngày 24/5/2023.

Kể từ ngày 25/5/2023 bà Nguyễn Thị Ngọc T tiếp tục chịu lãi suất theo cam kết sử dụng thẻ tín dụng đã thỏa thuận giữa các bên.

2. Về chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 4.860.000 đồng.

Ngân hàng không phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết và được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký 4.860.000 đồng sau khi thu lại được của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

3. Về án phí:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 865.836 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 433.000 đồng tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai số AA/2022/0002750 ngày 09/6/2023.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ, TA.

Y Kam Ênuôl